第一部分
Phần 1

說明：在這個部分，每題有一張圖片，你會先聽到一個問題，接著再聽到(A)(B)(C)三個選項，請根據圖片提示從(A)(B)(C)中選出正確的答案。每題念兩次，第一次念完以後先停五秒，再念第二次。第二次念完以後停五秒，就繼續下一題。

Hướng dẫn: Trong phần này, mỗi câu hỏi sẽ đưa ra một bức tranh, bạn sẽ được nghe một câu hỏi, tiếp đến là 3 phương án trả lời (A),(B),(C); hãy căn cứ theo gợi ý của bức tranh và chọn ra một đáp án đúng trong số 3 đáp án(A),(B),(C). Mỗi câu hỏi sẽ được đọc 2 lần, sau khi đọc xong lần thứ nhất, dừng 5 giây, rồi đọc lại lần thứ hai. Lần thứ hai đọc xong, dừng 5 giây, sau đó chuyển sang câu hỏi tiếp theo.

例題如下 Câu mẫu：

你會看到一張圖片 Bạn sẽ nhìn thấy một bức tranh：

接著，你會聽到一個問題和三個選項。
Tiếp theo, bạn sẽ được nghe 1 câu hỏi và 3 phương án lựa chọn.

第一題：眼鏡在哪裡？

(A) 在盒子裡面。
(B) 在盒子下面。
(C) 在盒子上面。

這一題的答案是(A)，請把答案塗在答案卡上。
Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (A), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

1. ● Ⓑ Ⓒ

說明結束，第一部分考試開始，請翻頁。

Hướng dẫn kết thúc, phần thi thứ nhất bắt đầu, xin mời lật sang trang kế tiếp.

LIVEWORKSHEETS

1.

2.

3.

4.

5.

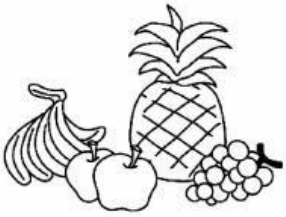

LIVEWORKSHEETS

6.

7.

8.

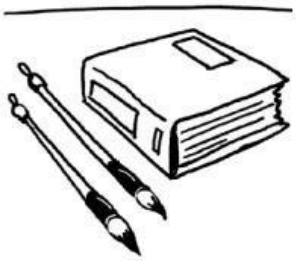

9.

10.

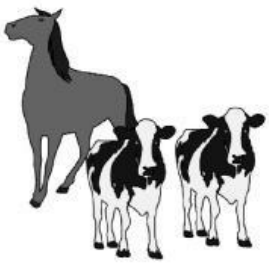

LIVEWORKSHEETS

第二部分
Phần 2

說明：在這個部分，每題有(A)(B)(C)三張圖片，你會聽到一問一答的對話，請根據對話的內容，選出合適的圖片。每題念兩次，第一次念完以後先停五秒，再念第二次。第二次念完以後停五秒，就繼續下一題。

Hướng dẫn: Trong phần này, mỗi câu sẽ đưa ra 3 bức tranh (A), (B), (C), bạn sẽ được nghe một đoạn đối thoại bao gồm 1 người hỏi 1 người đáp, hãy căn cứ theo nội dung đoạn đối thoại, chọn ra bức tranh phù hợp nhất với nội dung này. Mỗi câu hỏi sẽ đọc 2 lần, sau khi đọc xong lần thứ nhất sẽ dừng 5 giây, rồi đọc lại lần thứ hai. Lần thứ hai đọc xong, dừng 5 giây, sau đó sẽ chuyển sang câu hỏi tiếp theo.

例題如下 Câu mẫu：

你會看到三張圖片 Bạn sẽ nhìn thấy 3 bức tranh：

(A)

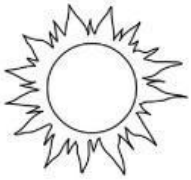

(B)

(C)

接著，你會聽到一問一答的對話。

Bạn sẽ được nghe một đoạn đối thoại bao gồm 1 người hỏi 1 người đáp

第二題

男：昨天下雨了嗎？

女：是啊，還下得很大呢！

這一題的答案是(B)，請把答案塗在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (B), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

2. Ⓐ ● Ⓒ

說明結束，第二部分考試開始，請翻頁。

Hướng dẫn kết thúc, phần thi thứ 2 bắt đầu, xin mời lật sang trang kế tiếp.

LIVEWORKSHEETS

11.

(A)

(B)

(C)

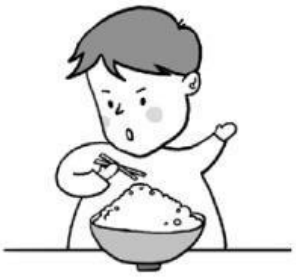

12.

(A)

(B)

(C)

13.

(A)

(B)

(C)

14.

(A)

(B)

(C)

15.

(A)

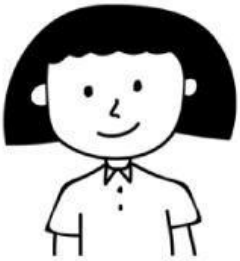

(B)

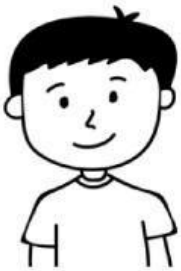

(C)

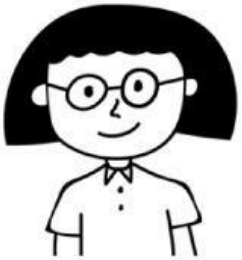

LIVEWORKSHEETS

16.

(A)

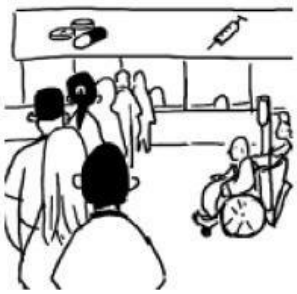

(B)

(C)

17.

(A)

(B)

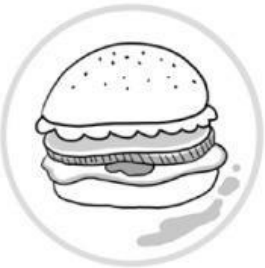

(C)

18.

(A)

(B)

(C)

19.

(A)

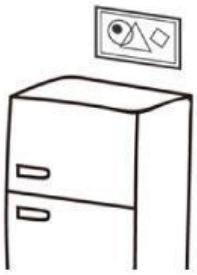

(B)

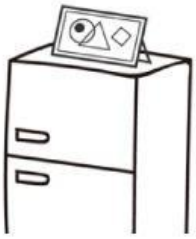

(C)

20.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

21.

(A)

(B)

(C)

22.

(A)

(B)

(C)

23.

(A)

(B)

(C)

24.

(A)

(B)

(C)

25.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

26.

(A)

(B)

(C)

27.

(A)

(B)

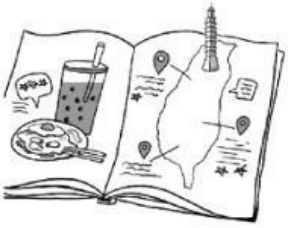

(C)

28.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

第三部分
Phần 3

說明：在這個部分，每題有(A)(B)(C)三張圖片，你會聽到一段兩個人的對話，一共有四句話，對話結束後有一個問題，請根據問題選出合適的圖片。每題念兩次，第一次念完以後先停五秒，再念第二次。第二次念完以後停五秒，就繼續下一題。

Hướng dẫn: Trong phần này, mỗi câu sẽ đưa ra 3 bức tranh (A),(B),(C), bạn sẽ được nghe một đoạn hội thoại gồm 4 câu của 2 người, khi đoạn hội thoại kết thúc sẽ có một câu hỏi; dựa vào nội dung câu hỏi hãy chọn ra một bức tranh phù hợp nhất với nội dung này. Mỗi câu sẽ được đọc 2 lần, sau khi đọc xong lần thứ nhất sẽ dừng 5 giây, rồi đọc lại lần thứ hai. Lần thứ hai đọc xong, dừng 5 giây, sau đó sẽ chuyển sang câu hỏi tiếp theo.

例題如下 Câu mẫu：

你會看到三張圖片 Bạn sẽ nhìn thấy 3 bức tranh：

(A) (B) (C)

接著，你會聽到一段對話和一個問題。

Bạn sẽ được nghe một đoạn đối thoại và một câu hỏi.

第三題

女：你什麼時候去開會？
男：下個星期。
女：你要坐火車去嗎？
男：坐火車太慢了，我坐飛機去。
女：請問這位先生怎麼去開會？

這一題的答案是(C)，請把答案塗在答案卡上。

Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (C), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

3. Ⓐ Ⓑ ●

說明結束，第三部分考試開始，請翻頁。

Hướng dẫn kết thúc, phần thi thứ 3 bắt đầu, xin mời lật sang trang kế tiếp.

LIVEWORKSHEETS

29.

(A)

(B)

(C)

30.

(A)

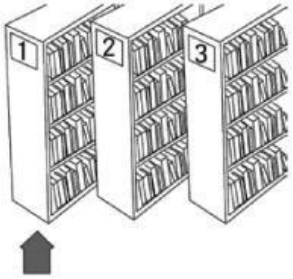

(B)

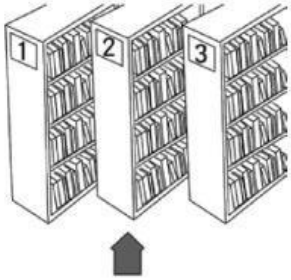

(C)

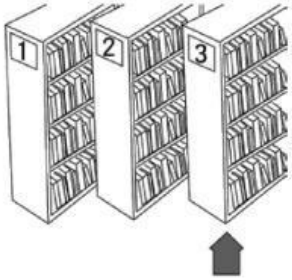

31.

(A)

(B)

(C)

32.

(A)

(B)

(C)

33.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

34.

(A)

(B)

(C)

35.

(A)

(B)

(C)

36.

(A)

(B)

(C)

37.

(A)

(B)

(C)

38.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

39.

(A)

(B)

(C)

40.

(A)

(B)

(C)

LIVEWORKSHEETS

第四部分
Phần 4

說明：在這個部分，你會聽到兩個人的對話，對話結束後有一個問題，每個問題都有(A)(B)(C)(D)四個選項，這四個選項的內容也會出現在題本上。請根據問題選出合適的答案。每題只念一遍，選項念完以後停五秒，就繼續下一題。

Hướng dẫn: Trong phần thi này, bạn sẽ được nghe đoạn đối thoại giữa 2 người, sau khi phần đối thoại kết thúc sẽ có 1 câu hỏi. Mỗi câu hỏi đều có 4 phương án (A),(B),(C),(D) để bạn lựa chọn, nội dung của 4 phương án trả lời này cũng sẽ xuất hiện trong tập đề thi. Hãy căn cứ theo câu hỏi để chọn ra câu trả lời thích hợp nhất. Mỗi câu hỏi chỉ đọc 1 lần, sau khi đọc xong 4 phương án trả lời sẽ dừng 5 giây, rồi sẽ chuyển sang câu tiếp theo.

例題如下 Câu mẫu：

第四題

男：小美，妳的電話號碼是幾號？
女：上次不是才給你嗎？
男：抱歉，我不小心把那張紙給弄丟了。
女：把你的手機拿出來吧！記在你的手機裡，這樣才不會再弄丟。

男：小美為什麼要這位先生把手機拿出來？
（A）她想知道對方有沒有手機
（B）她想借對方的手機打電話
（C）她不相信對方把手機弄丟了
（D）她想把自己的電話號碼給對方

這一題的答案是(D)，請把答案塗在答案卡上。
Đáp án cho câu hỏi này là đáp án (D), hãy tô đen ô trống của đáp án đó trên phiếu trả lời.

4. Ⓐ Ⓑ Ⓒ ●

說明結束，第四部分考試開始，請翻頁。
Hướng dẫn kết thúc, phần thi thứ 4 bắt đầu, xin mời lật sang trang kế tiếp.

LIVEWORKSHEETS

41.

（A）因為他想睡覺
（B）因為他想運動
（C）因為他不想上班
（D）因為他起不了床

42.

（A）她旅行時不小心掉了東西
（B）她旅行時有些想去的地方沒去
（C）她覺得旅行時最麻煩的是交通
（D）她覺得旅行最重要的是風景漂亮

43.

（A）她怕考得不好
（B）她的成績不好
（C）她沒參加考試
（D）她怕題目寫不完

44.

（A）想請他搬家
（B）想請他吃飯
（C）介紹女朋友給他
（D）請他注意聲音的大小

45.

（A）她習慣在不同的時間睡覺
（B）她每天都是這個時間起床
（C）她認為睡覺對健康有影響
（D）她不覺得自己很晚才睡覺

LIVEWORKSHEETS

46.

（A）他剛從海邊回來
（B）他喜歡夏天去海邊玩
（C）他給這位小姐買了褲子
（D）他約了這位小姐明天去運動

47.

（A）她不想請這位先生吃蛋糕
（B）她想幫這位先生慶祝生日
（C）她要朋友來參加舞會就好
（D）她想要大家一起唱生日歌

48.

（A）她想拿商店送的東西
（B）她最近很想花錢買東西
（C）她想要這位先生送她禮物
（D）她想和這位先生一起去逛街

49.

（A）這位先生今天想留在家裡
（B）這位小姐怕自己太晚回家
（C）他們兩人今天都想看棒球比賽
（D）他們已經買完衣服回家休息了

50.

（A）她要把錢還給客人
（B）東西賣出去就不能換了
（C）她沒有東西可以換給客人
（D）沒有發票，就不能換東西

LIVEWORKSHEETS